

Soạn bài Ôn tập văn học trung đại Việt Nam

1. Soạn bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam mẫu 1

1.1. NỘI DUNG

Câu 1 (trang 76 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

- + Biểu hiện của nội dung yêu nước trong văn học từ XVIII đến hết XIX:
 - Chiến đấu, hi sinh để bảo vệ đất nước, nổi căm tức trước kẻ thù xâm lược.
 - Đề ra những chủ trương, cải cách để xây dựng đất nước.
 - Yêu mến cảnh sắc của quê hương đất nước.
 - Yêu nước lấy thương dân, từ bi làm gốc.
 - Lo nghĩ cho vận mệnh dân tộc dù đã sống cuộc sống ẩn dật.
 - Đau đáu, trăn trở trước sự nhỏ nhãng, ô hợp, đánh mất đi những giá trị truyền thống.
- + Phân tích biểu hiện:
 - Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu):
 - Sự oán giận, căm thù kẻ xâm lược.
 - Tinh thần xả thân, chiến đấu hi sinh vì quê hương, đất nước.
 - Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ): tác giả đề ra những cải cách, thay đổi để thiết lập một xã hội nghiêm minh, công bằng, chí công vô tư.
 - Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh):
 - Tình yêu thiên nhiên.
 - Tư tưởng từ bi, nhân ái trong dựng nước, trị quốc.
 - Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến):
 - Tình yêu thiên nhiên.
 - Nỗi trăn trở, lo nghĩ cho vận mệnh dân tộc.

- Vịnh khoa thi Hương (Trần Tế Xương): tác giả thể hiện sự căm ghét, dị ứng trước sự nhố nhăng của thời buổi đầu xã hội phong kiến thực dân đồng thời thể hiện sự trăn trở, lo lắng trước tương lai của đất nước.

Câu 2 (trang 76 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

+ Nói văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa vì: nhiều tác giả đề cập đến tư tưởng nhân đạo trong tác phẩm của mình, lấy tư tưởng này làm tư tưởng biểu hiện trung tâm.

+ Biểu hiện của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa: Đề cao truyền thống đạo lí, khẳng định quyền sống của con người, khẳng định con người cá nhân.

+ Vấn đề cơ bản nhất của nội dung nhân đạo: Khẳng định quyền sống của con người.

- Truyện Kiều (Nguyễn Du): Khắc họa số phận lưu lạc, đau đớn của Thúy Kiều, từ đó lên tiếng đòi quyền sống cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đòi công bằng cho những số phận tài hoa bạc mệnh.

- Chinh phụ ngâm (bản diễn nôm của Đoàn Thị Điểm): bày tỏ khát khao hạnh phúc của con người, đặc biệt là người phụ nữ, lên án chiến tranh phong kiến.

- Thơ Hồ Xuân Hương: bày tỏ khao khát hạnh phúc vẹn tròn của con người.

- Trích đoạn Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu): đòi lẽ công bằng cho những người tốt, cho những người chính trực.

- Thương vợ (Trần Tế Xương): thể hiện mong muốn mang lại cho vợ, con một cuộc sống.

- Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến): thể hiện tiếng lòng dành cho người bạn tri kỉ, khẳng định tình cảm, lòng nhân giữa con người với con người.

Câu 3 (trang 77 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

Giá trị hiện thực của đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh:

- + Khắc họa bức tranh cuộc sống xa hoa, giàu có trong phủ Chúa.
- + Lật tẩy bản chất của cuộc sống xa hoa nơi đây.
- + Thái độ, quan điểm của tác giả: phê phán.

Câu 4 (trang 77 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

- + Giá trị nội dung thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:
 - Chủ nghĩa yêu nước: thương dân, nhân nghĩa.
 - Nội dung giáo huấn: về lẽ ghét thương ở đời, về những phẩm chất đạo đức, đạo lí sống.
 - + Giá trị nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:
 - Tác phẩm đậm màu sắc Nam Bộ (từ ngữ địa phương, hình ảnh gần gũi,...)
 - + Cho đến Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, lần đầu tiên trong thơ văn xuất hiện hình tượng người nông dân, còn là người nông dân nghĩa sĩ.
- Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ hiện lên cao cả, lớn lao, đẹp đẽ như những bậc trượng phu, anh hùng hảo hán, là tượng đài bi tráng, bất tử về lòng yêu nước.

1.2. PHƯƠNG PHÁP

Câu 1 (trang 77 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

Bảng thống kê tác giả, tác phẩm:

STT	Tên tác giả	Tên tác phẩm	Những điểm cơ bản về ND và NT
1	Lê Hữu Trác	Vào phủ chúa Trịnh	ND: Phản ánh hiện thực cuộc sống xa hoa nơi phủ Chúa. NT: ngòi bút tự sự kết hợp miêu tả chi tiết, quan sát tỉ mỉ, trung thực.

2	Hồ Xuân Hương	Tự tình (Bài II)	ND: Số phận hẩm hiu, dở dang của người phụ nữ, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt. NT: Từ ngữ độc đáo kết hợp ngôn ngữ bình dân và bác học, giàu sắc thái biểu cảm.
3	Nguyễn Khuyến	Câu cá mùa thu	ND: Bức tranh mùa thu ở miền quê; tình yêu thiên nhiên và nỗi trăn trở vì vận nước. NT: Miêu tả tinh tế, gieo vần lạ, thủ pháp lấy động tả tĩnh.
4	Trần Tế Xương	Thương vợ	ND: Hình ảnh đẹp đẽ về bà Tú, tiếng chửi đời chửi mình, lời tự giễu của nhà thơ. NT: bút pháp trào lộng, tự trào, từ ngữ giản dị, vận dụng ca dao.
5	Nguyễn Công Trứ	Bài ca ngất ngưỡng	ND: Thái độ sống ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ. NT: thể thơ hát nói phóng khoáng, tự do, điệp từ.
6	Cao Bá Quát	Bài ca ngắn đi trên bãi cát	ND: Phản ánh con đường danh lợi tầm thường, thiếu thực chất. NT: điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, xây dựng hình tượng thơ độc đáo.
7	Nguyễn Đình Chiểu	Lẽ ghét thương	ND: Lẽ ghét và lẽ thương ở đời, tư tưởng của nhà thơ về thương và ghét. NT: liệt kê kết hợp với điệp từ, sử dụng một loạt điển cố điển tích.
8	Nguyễn Đình Chiểu	Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc	ND: Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ; tình cảm xót xa, ngợi ca của tác giả. NT: thể văn biền ngẫu, ngôn từ đậm sắc thái

			Nam Bộ, kết hợp giữa bình dân và bác học, giàu cảm xúc.
9	Ngô Thì Nhậm	Chiếu cầu hiền	ND: Thái độ, đường lối cầu hiền; tư tưởng và tấm lòng của vua Quang Trung. NT: ngòi bút lập luận thuyết phục, sắc bén, giọng điệu vừa mềm mỏng vừa cứng rắn

Câu 2 (trang 77 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

+ Một số tác phẩm có tên gắn với tên thể loại: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Chiếu cầu hiền, Bình Ngô đại cáo, Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Hoàng lê nhất thống chí, Thượng kinh kí sự,...

+ Đặc điểm hình thức nghệ thuật thơ Đường luật: niêm luật chặt chẽ, đăng đối cân xứng.

Tính chất đối trong thể thất ngôn bát cú:

- Đối âm - Luật bằng/trắc (luật của bài thơ dựa trên chữ thứ 2 của câu đầu tiên); chữ thứ 2 và chữ thứ 6 của một câu phải có cùng thanh và đối thanh với chữ thứ 4.
- Đối ý: ý nghĩa, từ loại ở hai câu 3-4 và 5-6 phải đối nhau.

Tác dụng của phép đối: Tạo nên sự đăng đối, cân xứng, khuôn thước, chuẩn mực cho thể thơ, tạo ra sự hài hòa về thanh điệu, ý nghĩa.

+ Đặc điểm của thể văn tế: gắn với phong tục tang lễ, bố cục bốn phần: Lung khởi – Thích thực – Ai vãn – Kết.

Thể hiện trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:

Phần 1 (từ đầu đến “tiếng vang như mõ”) – phần Lung khởi: Khái quát về cuộc đời những người nghĩa sĩ Cần Giuộc.

Phần 2 (từ “Nhớ linh xưa” đến “tàu đồng súng nổ”) – phần Thích thực: Kể lại cuộc đời, công đức của những người nghệ sĩ.

Phần 3 (từ “Ôi!” đến “con bóng xế dật dờ trước ngõ”) – phần Ai vãn: Lời thương tiếc trước sự ra đi của người đã khuất.

Phần 4 (đoạn còn lại) – phần Kết: Lòng biết ơn, sự khẳng định đối với những công lao, phẩm tiết của những người nghệ sĩ.

+ Đặc điểm của thể hát nói: là văn bản ngôn từ, phần lời của một bài hát nói, chứa đựng những tình cảm tự do, phóng khoáng, tự do, linh hoạt trong hình thức biểu hiện.

Thể hiện trong Bài ca ngất ngưởng:

- Nội dung: nói về thái độ sống ngất ngưởng, đi ngược với thói thường ở đời, không gì trói buộc được của Nguyễn Công Trứ.
- Nghệ thuật: hình thức tự do linh hoạt, câu thơ dài ngắn đan xen, nhịp thơ thay đổi, vẫn không cố định.

Ý nghĩa

Bài ôn tập hệ thống lại những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam trung đại đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 11, rèn luyện, bồi dưỡng năng lực đọc – hiểu văn bản văn học, phân tích văn bản theo các cấp độ cho học sinh.

2. Soạn bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam mẫu 2

2.1. Kiến thức cơ bản

2.1.1. Chủ nghĩa yêu nước của văn học trung đại giai đoạn này có những điểm cũ và điểm mới gì?

- Cảm hứng yêu nước là cảm hứng xuyên suốt văn học trung đại Việt Nam nó vẫn còn những điểm cũ như:

- Lòng căm thù giặc sâu sắc cùng bọn bè lũ tay sai: Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc, chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu.
- Sự hi sinh mất mát trong chiến tranh (văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc).
- Ca ngợi thiên nhiên đất nước (câu cá mùa thu, bài ca phong cảnh hương sơn).
- Điểm mới:
 - Đề cao vai trò của người tri thức: Chiếu cầu hiền.
 - Đề cao vai trò của pháp luật trong việc xây dựng một đất nước ổn định lâu dài: Xin lập khoa luật.
 - Tìm hướng đi cho cuộc đời bế tắc: Bài ca ngắn đi trên bãi cát.

2.1.2. Văn học đầu thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu chủ nghĩa nhân đạo.

- Nội dung: Các sáng tác giai đoạn này chủ yếu là văn học chữ Nôm, nội dung đều nhằm hướng đến tố cáo phê phán xã hội đen tối cùng những quyền sống của con người. Các tác giả bắt đầu nhận thức được quyền sống của con người mong con người có thể có được quyền sống của mình.
- Biểu hiện:
 - Đề cao truyền thống đạo lí.
 - Khẳng định quyền sống của mỗi con người.
 - Khẳng định cái tôi, con người cá nhân.
- Biểu hiện qua các tác phẩm tiêu biểu như:
 - Truyện Kiều đề cao quyền được sống của con người mà cụ thể ở đây là con người tài hoa bạc mệnh Thúy Kiều.

- Chinh phụ ngâm: Quyền được sống được hạnh phúc của con người mà cụ thể là những nàng thiếu nữ trong thời kì chiến tranh.
- Thơ Hồ Xuân Hương: Đòi quyền bình đẳng nam nữ, ca ngợi những nét đẹp của người phụ nữ cũng như quyền được hạnh phúc của họ.
- Lục Vân Tiên: Con người đạo đức, ca ngợi những truyền thống đạo đức quý báu.
- Bài ca ngất ngưởng: Cái tôi cá nhân mạnh mẽ ngông nghênh.
- Thơ tú Xương: Khẳng định mình.

2.1.3. Nội dung và nghệ thuật trong vào phủ chúa Trịnh.

Vào phủ chúa Trịnh đã vén bức màn lịch sử xa xưa vô cùng đen tối để cho chúng ta thấy được những thú vui, khung cảnh nguy nga tráng lệ của nơi phủ chúa. Chúa Trịnh không gọi là vua mà tự xưng là chúa → sự phê phán đưa đòi tự cho mình cao nhất. Biết bao nhiêu cảnh đẹp, cây cao hoa thơm, cột lim chán vàng chén ngọc là bấy nhiêu nỗi vất vả khổ cực của người dân. Nhà văn tả đầy nhưng cũng như đang cười mỉa mai chua chát phủ Chúa.

2.1.4. Giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

- Chất bi: Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu luôn gọi nhắc những vất vả trong cuộc sống của nhân dân, những đau thương mất mát của nhân dân khi có giặc đến xâm lược.
- Chất tráng: Đó là sự hi sinh cao cả, thà chết vinh còn hơn sống nhục của những người nông dân, người anh hùng.

2.2. Phương pháp

2.2.1. Vào phủ chúa Trịnh - Lê Hữu Trác

- Nội dung: Nơi phủ chúa ăn chơi xa đọa, thế tử vì thế mà mắc bệnh.

- Nghệ thuật: Miêu tả sắc nét, tả cảnh đặc sắc, lựa chọn chi tiết sinh động.

2.2.2. Tự tình 2 - Hồ Xuân Hương

- Nội dung: Nỗi cô đơn của người vợ lẽ trước cảnh khuya.
- Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn bát cú đường luật, điệp từ, đảo trật tự cú pháp.

2.2.3. Câu cá mùa thu - Nguyễn Khuyến

- Nội dung: Bức tranh thiên nhiên mùa thu đẹp nhưng buồn và bức tranh tâm trạng nhà thơ.
- Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn bát cú đường luật, tính từ chỉ màu sắc, động từ nhẹ mang sức diễn đạt cao.

2.2.4. Thương Vợ - Trần Tế Xương

- Nội dung: Ca ngợi người vợ, thương vợ đồng thời cười chính bản thân mình vô dụng.
- Nghệ thuật: Trào phúng mỉa mai, từ láy, số đếm cụ thể ánh nắng của người vợ.

2.2.5. Bài ca ngất ngưỡng - Nguyễn Công Trứ

- Nội dung: Kể về cuộc đời làm quan sau đó về hưu của nhà thơ lúc nào cũng ngất ngưỡng.
- Nghệ thuật: Sử dụng nhiều từ Hán Việt, thể thơ hát nói phóng khoáng.

2.2.6. Bài ca ngắn đi trên bãi cát - Cao Bá Quát

- Nội dung: Kể về sự bế tắc trong các khoa thi cử.
- Nghệ thuật: Điệp từ, ẩn dụ.

2.2.7. Lẽ ghét thương - Nguyễn Đình Chiểu

- Nội dung: Nói về lẽ ghét thương ở trên đời của ông quán nọ.
- Nghệ thuật: Liệt kê các tên ông vua xấu tốt nhà Trung Quốc, thể thơ lục bát.

2.2.8. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Nguyễn Đình Chiểu

- Nội dung: Nói về cuộc đấu tranh đầy gian khổ hi sinh mất mát của nghĩa sĩ Cần Giuộc.

- Nghệ thuật: Khắc họa hình tượng nghĩa sĩ.

2.2.9. Chiếu cầu hiền - Ngô Thì Nhậm

- Nội dung: Kể về việc vua Quang Trung lên ngôi và mong người hiền tài ra giúp nước.

- Nghệ thuật: Bài chiếu lập luận logic sắc bén, sức thuyết phục cao.

2.3. Một số đặc điểm về hình thức của văn học trung đại.

2.3.1. Tư duy nghệ thuật

- Tính quy phạm thể hiện trong thể thơ thất ngôn bát cú đường luật của một số bài thơ trung đại.

- Tính phá vỡ quy phạm như bài ca ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ, bài ca ngắn đi trên bãi cát.

2.3.2. Quan niệm thẩm mỹ

Hướng đến cái đẹp trong quá khứ, thiên về cái cao cả, tao nhã, sử dụng những điển cố điển tích.

2.3.3. Bút pháp nghệ thuật: Thiên về ước lệ tượng trưng.

2.3.4. Thể loại: Phong phú: Chiếu, biểu, tấu, sớ, hịch, thơ tứ tuyệt, thơ ngũ ngôn.

Các tài liệu liên quan:

- [Soan bài lớp 11: Bài ca ngất ngưỡng](#)
- [Soan bài lớp 11: Thương vợ](#)
- [Soan văn 11 bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam](#)

c3.1. Nội dung.

Câu 1.

Những biểu hiện của nội dung yêu nước trong văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX:

- + Yêu nước gắn với lí tưởng trung quân ái quốc.
- + Tự hào về truyền thống của dân tộc.
- + Yêu con người, yêu ngôn ngữ dân tộc.
- + Căm thù giặc, quyết tâm đánh giặc cứu nước
- + Khát khao tự do, tình yêu, hạnh phúc, cảm thông với người phụ nữ.

Biểu hiện mới:

- Ý thức về vai trò của người trí thức đối với đất nước (Chiếu cầu hiền- Ngô Thì Nhậm).
- Tư tưởng canh tân đất nước (Xin lập khoa luật- Nguyễn Tường Tộ).
- Tìm hướng đi cho cuộc đời trong hoàn cảnh bế tắc (Bài ca ngắn đi trên bãi cát- Cao Bá Quát).
- Cảm hứng bi tráng gắn với hoàn cảnh lịch sử (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc- Nguyễn Đình Chiểu) ...

Câu 2.

Văn học từ đầu thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Các tác phẩm văn học giai đoạn này đều tập trung vào vấn đề con người, nhận thức con người, nhất là con người trần thế, ý thức cá nhân đậm nét hơn (quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân...) đề cao con người và đấu tranh với mọi thế lực đen tối.

Văn học giai đoạn này đã xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa.

- Những biểu hiện phong phú, đa dạng của nội dung nhân đạo trong giai đoạn văn học này:

- + Thương cảm trước bi kịch và đồng cảm với khát vọng của con người. Khẳng định quyền sống của con người.
- + Khẳng định và đề cao tài năng, nhân phẩm.
- + Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người.
- + Đề cao truyền thống đạo lí, nhân nghĩa của dân tộc.
- + Khẳng định con người cá nhân.
- Văn đề cơ bản nhất của nội dung nhân đạo trong văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX chính là khẳng định con người cá nhân. Cụ thể:
 - + Truyện Kiều- Nguyễn Du: Đề cao vai trò của tình yêu. Đó là biểu hiện cao nhất của sự đề cao con người cá nhân. Tình yêu không chỉ đem lại cho con người vẻ đẹp cuộc sống, qua tác phẩm
 - + Chinh phụ ngâm - Đoàn Thị Điểm: con người cá nhân gắn liền với nỗi lo sợ tuổi trẻ chóng phai tàn do chiến tranh.
 - + Thơ Hồ Xuân Hương: Đó là con người cá nhân bản năng, khao khát sống, khao khát hạnh phúc, tìm kiếm tình yêu đích thực, dám nói lên một cách thẳng thắn những ước muốn
 - + Truyện Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu: Con người cá nhân nghĩa hiệp và hành động theo ngưỡng chuẩn mực đạo đức Nho giáo.
 - + Bài ca ngất ngưỡng – Nguyễn Công Trứ: Con người ý thức về tài năng cá nhân, bản lĩnh cá nhân, sở thích cá nhân tự do phóng túng.
 - + Thương vợ - Trần Tú Xương: Hình ảnh người vợ tận tảo, sớm hôm, cực nhọc luôn lo cho gia đình, giàu đức hi sinh vì chồng, vì con.
 - + Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến: Tình bạn cá nhân rất đời thường, rất thấm thiết giữa hai người bạn.

Câu 3.

Vào phủ chúa Trịnh (Trích Thượng kinh ký sự- Lê Hữu Trác) tái hiện một bức tranh chân thực về cuộc sống xa hoa nhưng ngọt ngào, yếm khí nơi phủ chúa. Sự lộng quyền của nhà chúa với quyền uy tối thượng và nếp sống hưởng thụ cực kỳ xa hoa của chúa Trịnh cùng gia đình. Đó cũng chính là hình ảnh suy yếu mục ruỗng của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh những năm cuối TK XVIII.

Thế nhưng cuộc sống của con người lại chẳng có tinh thần, ý chí nghị lực trống rỗng, ốm yếu, thiếu hẳn sinh khí - nguyên nhân căn bệnh của chúa nhỏ.

Câu 4.

a) Giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

- Nội dung:

+ Đề cao lí tưởng đạo đức nhân nghĩa của đạo Nho cũng như thấm đậm ý nghĩa của tình thân dân tộc.

+ Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu cũng đề cao lòng yêu nước, thương dân, ca ngợi những con người luôn vì dân vì nước, bất khuất, anh dũng, kiên cường.

- Nghệ thuật:

Nghệ thuật thơ văn mang đậm nét văn chương trữ tình đạo đức (chứa đựng nhiều cảm xúc, suy ngẫm) và dấu ấn của người dân Nam Bộ.

b) Trong “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” lần đầu tiên trong văn học có một tượng đài bi tráng và bất tử về người nông dân bởi hai yếu tố:

- Yếu tố bi (đau thương): gọi lên từ đời sống vất vả, lam lũ; nỗi đau thương mất mát và tiếng khóc xót đau của những người còn sống.

- Yếu tố tráng: lòng căm thù giặc, hành động quả cảm, sự ngợi ca công đức của người nghĩa binh đã hi sinh. Tiếng khóc trong tác phẩm là tiếng khóc đau thương nhưng lớn lao, cao cả.

3.2. Phương pháp

Câu 1:

STT	Tác giả - tác phẩm	Những điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật
1	Vào phủ chúa Trịnh - Lê Hữu Trác	- Bức tranh sinh động về cuộc sống xa hoa, quyền quý nơi phủ chúa Trịnh và thái độ coi thường lợi danh của tác giả. - Quan sát tỉ mỉ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động, lựa chọn chi tiết đặc sắc, đan xen tác phẩm thơ ca.
2	Tự tình (II) - Hồ Xuân Hương	- Tâm trạng cô đơn, khao khát hạnh phúc tuổi xuân. Thái độ bứt phá, vùng vẫy thoát ra khỏi cảnh ngộ, muốn vươn lên giành hạnh phúc nhưng tuyệt vọng, chán nản - đảo trật tự cú pháp nhấn mạnh sự cô đơn; sử dụng những động từ mạnh thể hiện khát khao; hình ảnh thiên nhiên giàu sức sống
3	Câu cá mùa thu - Nguyễn Khuyến	- Bức tranh thiên nhiên đặc trưng cho phong cảnh mùa thu ở vùng đồng bằng chiêm trũng Bắc Bộ - Lựa chọn hình ảnh tiêu biểu, cách gieo vần độc đáo.
4	Thương vợ - Trần Tế Xương	- Hình ảnh cơ cực của bà Tú và những đức tính của bà: 1 người vợ chịu thương, chịu khó, tất cả vì chồng vì con=> tiêu biểu cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam. - Tiếp thu sáng tạo từ ca dao, nụ cười lấp ló trong bài=> hai nét phong cách: hóm hỉnh và ân tình
5	Bài ca ngất ngưỡng - Nguyễn Công Trứ	- Đề cao lối sống tự do, ko ràng buộc; tấm lòng của nhà thơ đối với đất nước. - Kết hợp hài hoà trong việc sử dụng từ Hán Việt – từ

		thuần Việt; sử dụng thể thơ tự do => giúp nhà thơ thể hiện đầy đủ quan điểm của mình.
6	Bài ca ngắn đi trên bãi cát - Cao Bá Quát	- Chán ghét con đường công danh tầm thường; tâm trạng mệt mỏi, bế tắc; khát khao thay đổi cuộc sống đương thời, khát khao một sự đổi mới. - Hình tượng thơ độc đáo, sáng tạo. Câu thơ dài ngắn khác nhau + cách ngắt nhịp tạo nên nhịp điệu của bài ca.
7	Lẽ ghét thương (trích Lục Vân Tiên) - Nguyễn Đình Chiểu	- Tình cảm yêu, ghét rõ ràng, phân minh của ông Quán quan niệm đạo đức của tác giả. - Sử dụng các cặp từ đối nghĩa; lối diễn đạt trùng điệp, tăng tiến thể hiện cường độ cảm xúc; lời thơ mộc mạc, ko cầu kì, trau chuốt
8	Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc) - Nguyễn Đình Chiểu	- Tính cách bình dị, lòng căm thù giặc cao độ và quá trình chiến đấu dũng cảm của những người anh hùng nghĩa binh nông dân. - Tấm lòng của tác giả, nhân dân Nam Bộ trước sự hi sinh của những anh hùng nông dân vì nghiệp lớn. - Khắc họa thành công hình tượng người nghĩa binh nông dân nghĩa sĩ – lần đầu tiên xuất hiện trong thơ văn với tư cách là một nhân vật; sử dụng từ ngữ nhấn mạnh sự quyết tâm.
9	Chiếu cầu hiền (Cầu hiền chiếu) - Ngô Thì Nhậm	- Chủ trương cầu hiền đúng đắn, tầm chiến lược sâu rộng, tấm lòng vì dân, vì nước của vua Quang Trung. - Lập luận chặt chẽ, cách diễn đạt tinh tế, lời lẽ đầy tâm huyết, giàu sức thuyết phục

Câu 2:

a. Tư duy nghệ thuật:

- Tính quy phạm và việc phá vỡ tính quy phạm trong bài “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến

- + Tính quy phạm: Thể loại: thất ngôn bát cú, hình ảnh ước lệ
- + Phá vỡ tình quy phạm: cảnh thu mang những nét riêng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, cách sử dụng vần điệu, vần eo gọi không gian ngoại cảnh và tâm cảnh như tĩnh lặng thu hẹp dần. Ngôn ngữ bài thơ viết bằng chữ Nôm.

b. Quan niệm thẩm mỹ:

Hướng về những cái đẹp trong quá khứ, thiên về cái cao cả, tao nhã, ưa sử dụng những điển cố, điển tích những thi liệu Hán học

- “Truyện Lục Vân Tiên”: sử dụng những điển tích liên quan đến các ông vua tàn ác, không chăm lo được cuộc sống của nhân dân: Kiệt Trụ mê dâm, U Lệ đa đoan, đời Ngũ Bá...

- “Bài ca ngất ngưỡng”: phơi phới ngon đông phong, phường Hàn Phú... nhằm nói lên cái thú tiêu dao của một người nằm ngoài vòng danh lợi, khẳng định lối sống ngất ngưỡng của mình, đặt mình với những bậc tiền bối ngày xưa...

- “Bài ca ngắn đi trên bãi cát”: ông tiên ngủ kĩ, danh lợi... là những điển tích, điển cố, những thi liệu Hán được Cao Bá Quát dùng để bộc lộ sự chán ghét của người trí thức đối với con đường danh lợi tầm thường đồng thời thể hiện khao khát thay đổi cuộc sống.

c. Bút pháp nghệ thuật: Thiên về ước lệ tượng trưng

“Bài ca ngắn đi trên bãi cát”: bãi cát là hình ảnh tượng trưng cho con đường danh lợi nhọc nhằn, gian khổ. Những người tất tả đi trên bãi cát là những người ham công danh, sẵn sàng vì công danh mà chạy ngược, chạy xuôi

Con đường cùng: tượng trưng cho con đường công danh thi cử, con đường vô nghĩa, và con đường bế tắc của xã hội trong hoàn cảnh Cao Bá Quát viết bài thơ này.

d. Thể loại

- Thường sử dụng các thể loại có kết cấu định hình và tính ổn định cao: biểu, chiếu, tấu, sớ, cáo hịch, ...thơ tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn...
- Chiếu cầu hiền, Cáo bình Ngô, Hịch tướng sĩ, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc...
- Đặc điểm về hình thức của thơ Đường luật:

* Về ngắt nhịp:

Thơ thất ngôn bát cú Đường luật ngắt nhịp theo kiểu phối hợp chẵn – lẻ: 4/3

* Về phối thanh:

Xét ở 2 khía cạnh: luật và niêm.

* Về luật:

Có hai loại:

- + Thơ thất ngôn bát cú Đường luật làm theo luật bằng, vần bằng: là bài thơ được bắt đầu bằng tiếng thứ 2 của câu 1 mang thanh B, và vần B ở cuối các câu: 1, 2, 4, 6, 8.
- + Thơ thất ngôn bát cú Đường luật làm theo luật trắc, vần bằng: là bài thơ được bắt đầu bằng tiếng thứ 2 của câu 1 mang thanh T, và vần B ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.
- + Trong một câu thơ, các tiếng 2,4,6 phải ngược thanh nhau; còn các tiếng 1, 3, 5, 7 có thể linh hoạt về luật B-T.
- Về niêm: Là sự liên kết về âm luật của hai câu thơ Đường luật:
 - + Hai câu thơ là niêm nhau: khi tiếng thứ hai của 2 câu thơ cùng theo một luật (B hay T).
 - + Trong thơ thất ngôn bát cú Đường luật, các cặp sau đây niêm với nhau: 1-8, 2-3, 4-5, 6-7, 8-1 (không niêm theo đúng luật gọi là thất niêm).
- Bố cục:

- + Hai câu đề: Câu 1: Mở bài gọi là phá đề
- Câu 2: vào bài gọi là thừa đề
- + Hai câu thực: Câu 3 và 4 đối nhau, dùng để giải thích đề
- + Hai câu luận: Câu 5 và 6 đối nhau, bàn luận về đề.
- + Hai câu kết: Câu 7 và 8 tóm tắt ý cả bài.
- Đặc điểm của văn tế: Gồm 4 phần: Lung khởi, thích thực, ai văn và phần kết....
- + Thẻ vắn: thẻ phú đường luật có vắn, có đối...
- Đặc điểm của thẻ hát nói: Lời của bài hát nói có 11 câu, chia làm 3 khổ:
- + Khổ đầu: 4 câu, vắn cuối các câu lần lượt là: T-B-B-T
- + Khổ giữa: 4 câu, vắn cuối các câu lần lượt là: T-B-B-T
- + Khổ cuối: 3 câu, vắn cuối các câu lần lượt là: T-B-B

4. Soạn bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam mẫu 4

Câu 1 (trang 76 sgk ngữ văn 11 tập 1)

Bên cạnh nội dung yêu nước là chủ đề xuyên suốt các sáng tác trung đại giai đoạn trước đó, ở giai đoạn văn học này (từ TK XVIII đến TK XIX) xuất hiện một vài nội dung mới:

- + Chạy giặc, văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu): âm hưởng hùng tráng về thời kì bi thương của dân tộc nhưng cũng đầy tự hào.
 - + Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ): tư tưởng canh tân, đổi mới đất nước
 - + Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh): ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước
 - + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) Nỗi lòng hướng về dân chúng, và tình yêu nước thầm kín

+ Vịnh khoa thi Hương (Trần Tế Xương): tình cảnh mất nước và nỗi lòng thương xót của tác giả

Câu 2 (trang 76 sgk ngữ văn 11 tập 1)

Văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa vì:

- Lúc bấy giờ, xã hội phong kiến từng bước khủng hoảng, khởi nghĩa, chiến tranh liên miên

- Chủ nghĩa nhân đạo lúc này trở thành một trào lưu, với hàng loạt tác phẩm tên tuổi: Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm... gắn liền với các tác giả Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương...

- Nội dung thể hiện của chủ nghĩa nhân đạo:

+ Các tác giả hướng tới giá trị cao đẹp của con người

+ Sự cảm thương cho những kiếp người nhỏ bé, đặc biệt là người phụ nữ

+ Khẳng định đề cao nhân phẩm, truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của con người

- Vấn đề cơ bản nhất của nội dung nhân đạo trong văn học từ thế kỉ XVIII đến kết XIX là:

+ Hướng tới quyền sống của con người

+ Ý thức về cá nhân mạnh mẽ hơn: tài năng, quyền sống, hạnh phúc cá nhân...

Nội dung cơ bản: “Đề cao vẻ đẹp và tài năng của con người (Truyện Kiều), khao khát hạnh phúc lứa đôi (Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm)

Câu 3 (trang 77 sgk ngữ văn 11 tập 1)

Giá trị phản ánh: tái hiện chân thực cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa, khắc họa trên hai phương diện

+ Cuộc sống xa xỉ, quyền uy tột bậc (từ nơi ở đến tiện nghi, kẻ hầu người hạ...)

+ Nhưng cuộc sống Trịnh phủ thiếu sinh khí, chỉ có sự u ám dẫn tới sự ảm yếu của thái tử Cán

- Phê phán hiện thực: tác giả ngầm phê phán sự xa hoa, lộng quyền của nhà chúa kèm theo cuộc sống thiếu sinh thế, tăm tối của con người. Đó chính là bức tranh xã hội đương thời cuối thế kỉ XVIII

Câu 4 (trang 76 skg ngữ văn 11 tập 1)

- Giá trị nội dung:

+ Đề cao đạo lý nhân nghĩa(Lục Vân Tiên) và nội dung yêu nước (Chạy Tây, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

- Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức - trữ tình, màu sắc Nam Bộ qua từ ngữ, hình ảnh nghệ thuật

+ Nguyễn Đình Chiểu là người đầu tiên đưa hình tượng hoàn chỉnh về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ vào thơ văn

+ Hình tượng hoàn chỉnh về người nông dân nghĩa sĩ (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc người nông dân mang vẻ đẹp bi tráng)

Phân: Phương pháp

a, Tư duy nghệ thuật

-Tính quy phạm: thể hiện rõ nhất trong bài Câu cá mùa thu (Thu điếu) của Nguyễn Khuyến là ở việc sử dụng các chất liệu quen thuộc như: trời thu xanh, lá thu vàng và hình ảnh con người trầm tư, buồn lặng.

- Sự sáng tạo của bài thơ thể hiện ở cảnh thu mang những nét riêng của mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ: chiếc ao làng sóng hơi gợn, nước trong veo, lạnh lẽo, lồi vào ngõ trúc quanh co...Đặc biệt cách gieo vần độc đáo “eo” gợi cảm giác không gian ngoại cảnh và tâm cảnh như đang thu hẹp, nhỏ dần, khép kín.

b, Quan niệm thẩm mỹ

Các điển tích, điển cố

Trích đoạn Lẽ ghét thương (trích Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)

- Kiệt, Trụ, U, Lệ, Ngũ bá : Là những triều đại trong lịch sử Trung Quốc với những ông vua hoang dâm, vô đạo, những thời đại đổ nát, hoang tàn → Nhấn mạnh sự khinh ghét của ông Quán với loại người này, từ đó nói rõ quan điểm về "ghét" của ông quán.

- Khổng Tử, Nhan Tử, Gia Cát, Đồng Tử, Nguyên Lượng, Hàn Vũ, Liêm, Lạc → Là những điển tích về những người có tài đức nhưng lại phải chịu một cuộc đời vất vả, bị gièm pha, bị người hại → Nhấn mạnh tấm lòng của ông Quán về thương yêu con người.

Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ)

- Phơi phới ngọn đông phong, phường Hàn Dũ... nhằm lên cái thú tiêu dao của một người sống ngoài vòng danh lợi, đồng thời cũng là để khẳng định sự ngất ngưỡng của mình, đặt mình với những bậc tiền bối ngày xưa...

Bài ca ngán đi trên bãi cát (Cao Bá Quát)

- Ông tiên ngũ kỹ, danh lợi.... là những điển tích, điển cố, những thi liệu Hán được Cao Bá Quát dùng để bộc lộ sự chán ghét của người trí thức đối với con đường danh lợi tầm thường đồng thời thể hiện niềm khao khát đổi thay cuộc sống.

c, Bút pháp nghệ thuật

Trong Bài ca ngán đi trên bãi cát (Cao Bá Quát), bút pháp tượng trưng đã được nhà thơ sử dụng khá hiệu quả. Bãi cát là hình ảnh tượng trưng cho con đường danh lợi nhọc nhằn, gian khổ. Những người tấp tể đi trên bãi cát là những người ham công danh, sẵn sàng vì công danh mà chạy ngược, chạy xuôi. Hình ảnh con đường

cùng ấy có ý nghĩa tượng trưng cho con đường công danh, con đường vô nghĩa. Con đường ấy không thể giúp ông đạt được lí tưởng cao đẹp của mình.

d, Thể loại

Các tác phẩm mà tên thể loại gắn liền với tác phẩm:

- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (văn tế).
- Bài ca ngất ngưỡng (hát nói)
- Chiều dòi đơ (chiếu).
- Bình Ngô đại cáo (cáo).

Đặc điểm và hình thức nghệ thuật của thơ Đường luật:

Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau: Luật, Niêm, Vần, Đối và Bố cục. Điều căn bản của luật thơ Đường luật là đối, đó là hai nguyên tắc đối âm và đối ý, nghĩa là lần lượt những chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3,... của câu trên phải đối với các chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3,... của câu dưới cả về âm và ý. Nhưng làm được như thế thì rất khó, vì vậy người ta quy ước nhất tam ngũ bất luật (chữ thứ nhất, thứ ba, thứ năm không cần theo luật).

Đặc điểm của thể loại văn tế:

Văn tế: là loại văn thường gắn với phong tục tang lễ, nhằm bày tỏ lòng tiếc thương đối với người đã mất, văn tế thường có nội dung cơ bản, kể lại cuộc đời công đức phẩm hạnh của người đã mất và bày tỏ tấm lòng xót thương sâu sắc.

Văn tế có thể được viết theo nhiều thể: văn xuôi, thơ lục bát, song thất lục bát, phú,... Bố cục của bài văn tế thường gồm bốn đoạn: lung khởi, thích thực, ai vãn và kết. Giọng điệu chung của bài văn tế nói chung là lâm li, thống thiết, sử dụng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh.

Đặc điểm của thể loại hát nói:

Thể thơ hát nói là văn bản ngôn từ, phần lời ca của bài hát nói. Hát nói là làn điệu chủ đạo của lối hát ca trù (còn gọi là hát ả đào, hát nhà trò, hát nhà tơ, ...). Thơ hát nói có những đặc điểm sau:

- + Nội dung: chứa những tư tưởng tình cảm tự do phóng khoáng.
- + Hình thức: tự do, vần nhịp tự do, lời thơ mang ngữ điệu nói với giọng buông thả tự do.

Trên đây VnDoc.com đã giới thiệu tới bạn đọc tài liệu: Soạn bài Ôn tập văn học trung đại Việt Nam. Để có kết quả cao hơn trong học tập, VnDoc xin giới thiệu tới các bạn học sinh tài liệu [Đề thi học kì 1 lớp 11](#), [Soạn văn lớp 11 ngắn gọn](#), [Soạn bài lớp 11](#), [Học tốt Ngữ văn 11](#), [Tài liệu học tập lớp 11](#) mà VnDoc tổng hợp và đăng tải.

